CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2023/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2023

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về bảo hiểm vi mô

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm ngày 16 tháng 6 năm 2022;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bảo hiểm vi mô.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết thi hành khoản 2 Điều 88 về bảo hiểm vi mô, khoản 3 Điều 144, khoản 3 Điều 145, khoản 2 Điều 146, khoản 3 Điều 148, khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 149, khoản 5 Điều 150 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ, doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe (sau đây gọi là doanh nghiệp bảo hiểm), chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam;

b) Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thành lập và hoạt động tại Việt Nam.

2. Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

3. Tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Bên mua bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm vi mô, thành viên tham gia bảo hiểm vi mô;

b) Tổ chức đại diện thành viên;

c) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II
SẢN PHẨM BẢO HIỂM VI MÔ

Điều 3. Số tiền bảo hiểm và số phí bảo hiểm tối đa của sản phẩm bảo hiểm vi mô

1. Số tiền bảo hiểm của từng hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về tính mạng và sức khỏe không vượt quá 05 lần thu nhập bình quân đầu người hàng năm của chuẩn hộ cận nghèo ở khu vực thành thị theo quy định của Chính phủ tại thời điểm triển khai sản phẩm.

2. Số tiền bảo hiểm của từng hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về tài sản không vượt quá giá trị thị trường của tài sản được bảo hiểm tại thời điểm tham gia bảo hiểm và không vượt quá 05 lần thu nhập bình quân đầu người hàng năm của chuẩn hộ cận nghèo ở khu vực thành thị theo quy định của Chính phủ tại thời điểm triển khai sản phẩm.

3. Phí bảo hiểm năm của từng hợp đồng bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô không vượt quá 5% thu nhập bình quân đầu người hàng năm của chuẩn hộ cận nghèo ở khu vực thành thị theo quy định của Chính phủ tại thời điểm triển khai sản phẩm. Phí bảo hiểm phải tương ứng với quyền lợi bảo hiểm.

Điều 4. Sản phẩm bảo hiểm vi mô do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài triển khai

1. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài triển khai sản phẩm bảo hiểm vi mô cần đáp ứng quy định tại Luật

Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm; Điều 3, Điều 4 và Điều 6 Nghị định này.

2. Doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ được cung cấp các sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về tính mạng, sức khỏe có thời hạn không quá 05 năm.

3. Doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được cung cấp:

a) Các sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về tính mạng, sức khỏe có thời hạn từ 01 năm trở xuống;

b) Các sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về tài sản có thời hạn không quá 05 năm.

4. Doanh nghiệp bảo hiểm sức khỏe được cung cấp:

a) Các sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về tính mạng có thời hạn từ 01 năm trở xuống;

b) Các sản phẩm bảo hiểm vi mô bảo vệ các rủi ro về sức khỏe có thời hạn không quá 05 năm.

5. Tên của sản phẩm bảo hiểm vi mô do doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài triển khai phải có thành tố "Sản phẩm bảo hiểm vi mô" để phân biệt với các sản phẩm bảo hiểm khác của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Điều 5. Sản phẩm bảo hiểm vi mô do Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô triển khai

Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chỉ được triển khai các sản phẩm bảo hiểm vi mô có thời hạn từ 01 năm trở xuống nhằm đáp ứng nhu cầu của thành viên. Sản phẩm bảo hiểm bao gồm một hoặc một số quyền lợi cụ thể như sau:

1. Quyền lợi chăm sóc sức khỏe: hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ chi phí nằm viện, phẫu thuật cho người được bảo hiểm khi người được bảo hiểm nằm viện hoặc phẫu thuật thuộc phạm vi bảo hiểm.

2. Quyền lợi bảo hiểm tai nạn: chi trả số tiền bảo hiểm tương ứng với tỷ lệ thương tật do tai nạn của người được bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô khi người được bảo hiểm bị thương tật do tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm.

3. Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn: chi trả cho người thụ hưởng số tiền bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô khi người được bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn thuộc phạm vi bảo hiểm.

4. Quyền lợi trợ cấp mai táng: chi trả thêm một khoản hỗ trợ mai táng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô khi quyền lợi bảo hiểm tử vong được chi trả.

5. Quyền lợi bảo hiểm tài sản: chi trả bồi thường bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô khi tài sản được bảo hiểm bị thiệt hại do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô

1. Tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô phải đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí bảo hiểm của các sản phẩm bảo hiểm vi mô trước khi triển khai.

2. Tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô phải nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí bảo hiểm theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản tóm tắt các quyền lợi bảo hiểm và điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm dự kiến triển khai;

c) Công thức, phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm thuần, phí bảo hiểm gộp và tài liệu giải trình về cơ sở dùng để tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô dự kiến triển khai; nguyên tắc tăng, giảm phí bảo hiểm (nếu có). Các tài liệu này phải có xác nhận của Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận cơ sở và phương pháp tính phí bảo hiểm của tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trường hợp thay đổi cơ sở và phương pháp tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô, tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô nộp Bộ Tài chính 01 bộ hồ sơ đề

nghị chấp thuận sửa đổi, bổ sung cơ sở và phương pháp tính phí bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Tài liệu giải trình các nội dung sửa đổi, bổ sung, có xác nhận của chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô.

5. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính có văn bản chấp thuận việc sửa đổi, bổ sung cơ sở và phương pháp tính phí của tổ chức cung cấp bảo hiểm vi mô. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Chương III
THÀNH LẬP, TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TƯƠNG HỖ CUNG CẤP BẢO HIỂM VI MÔ

Mục 1
CẤP, CẤP LẠI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THU HỒI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG, ĐÌNH CHỈ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TƯƠNG HỖ CUNG CẤP BẢO HIỂM VI MÔ

Điều 7. Điều kiện cấp phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm, trong đó các điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm cụ thể như sau:

1. Có vốn thành lập bằng Đồng Việt Nam không thấp hơn 10 tỷ đồng. Nguồn vốn thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Vốn góp của cá nhân là thành viên sáng lập. Thành viên sáng lập không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân khác để tham gia góp vốn;

b) Hỗ trợ của tổ chức đại diện thành viên;

c) Tài trợ từ các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, các chương trình, dự án;

d) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật.

2. Nhân sự dự kiến làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định này.

3. Dự thảo điều lệ phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và quy định tại Điều 8 Nghị định này.

Điều 8. Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm tối thiểu những nội dung sau đây:

a) Tên và địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Mục đích thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Nội dung, phạm vi, địa bàn hoạt động, thời gian hoạt động;

d) Thủ tục tham gia, thủ tục chấm dứt tư cách thành viên, quyền và nghĩa vụ của thành viên. Thành viên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; là thành viên của cùng một tổ chức và đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

đ) Tên, địa chỉ, quyền, nghĩa vụ và số lượng thành viên sáng lập (ít nhất là 07 người) của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô (trong trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân); tên, địa chỉ, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đại diện thành viên (trong trường hợp thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên);

e) Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nhiệm kỳ và phương thức hoạt động của Đại hội thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân), Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát; thể thức bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

g) Các trường hợp tổ chức đại hội thành viên bất thường (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân);

h) Trình tự, thủ tục tiến hành Đại hội thành viên và thông qua Nghị quyết tại Đại hội thành viên; tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục bầu đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân);

i) Vốn thành lập của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; phương thức đóng góp vốn; phương thức, nguyên tắc hoàn trả vốn thành lập được hỗ trợ từ tổ chức đại diện thành viên (nếu có);

k) Quy chế tài chính; các nguyên tắc quyết định việc tăng, giảm phí bảo hiểm; phương thức sử dụng kết quả hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

l) Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

m) Nguyên tắc, thứ tự phân chia tài sản trong trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô giải thể;

2. Việc thay thế, bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô do Đại hội thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân) hoặc tổ chức đại diện thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên) quyết định.

Điều 9. Hội nghị thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Thành phần tham gia Hội nghị thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô trong trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân bao gồm:

a) Thành viên sáng lập;

b) Các thành viên khác thuộc cùng tổ chức với thành viên sáng lập và có nguyện vọng tham gia sản phẩm bảo hiểm vi mô.

2. Hội nghị thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

a) Ủy quyền cho người đại diện trong số các thành viên sáng lập nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Dự thảo Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Dự kiến kế hoạch triển khai sản phẩm bảo hiểm vi mô theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 10 Nghị định này;

d) Dự kiến nhân sự được bổ nhiệm làm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô;

đ) Các nội dung khác có liên quan đến việc thành lập và tổ chức, hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

3. Nghị quyết của Hội nghị thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô quy định tại khoản 2 Điều này phải được biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý từ 51% trở lên.

Điều 10. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Thành viên sáng lập phải nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo quy định sau đây:

a) Trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm: các thành viên sáng lập phải tổ chức Hội nghị thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Người đại diện được ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Trường hợp thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm: người được tổ chức đại diện thành viên ủy quyền nộp hồ sơ đề nghị cấp phép thành lập và hoạt động tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Dự thảo Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Xác nhận của ngân hàng thương mại được phép hoạt động tại Việt Nam về số vốn thành lập (không thấp hơn mức vốn quy định tại khoản 1 Điều 7

Nghị định này) đã được gửi tại tài khoản phong tỏa mở tại ngân hàng và chỉ được giải tỏa sau khi Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô hoặc có văn bản từ chối xem xét cấp Giấy phép;

d) Kế hoạch triển khai bảo hiểm vi mô trong đó nêu rõ quy trình triển khai, mạng lưới triển khai; dự kiến về doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động bảo hiểm vi mô trong 03 năm đầu triển khai phù hợp với số lượng thành viên, mạng lưới của tổ chức;

đ) Nghị quyết Hội nghị thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô về việc thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân);

e) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo Điều lệ của Tổ chức đại diện thành viên về việc thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô (đối với trường hợp thành viên sáng lập là Tổ chức đại diện thành viên);

g) Danh sách thành viên sáng lập và tài liệu chứng minh thành viên sáng lập đáp ứng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân);

h) Điều lệ, bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của Tổ chức đại diện thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là Tổ chức đại diện thành viên);

i) Sơ yếu lý lịch, Phiếu lý lịch tư pháp; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; bản sao các văn bằng, chứng chỉ, tài liệu chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn của người dự kiến được bổ nhiệm là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

k) Giải trình và cam kết xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

3. Trong thời hạn 21 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, nếu hồ sơ chưa đầy đủ và hợp lệ, Bộ Tài chính thông báo bằng văn bản yêu cầu bổ

sung, sửa đổi hồ sơ. Thời hạn bổ sung, sửa đổi hồ sơ tối đa là 06 tháng kể từ ngày ra thông báo. Trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép không bổ sung, sửa đổi hồ sơ theo đúng thời hạn quy định, Bộ Tài chính có văn bản từ chối xem xét cấp Giấy phép.

4. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy phép cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

5. Bộ Tài chính công bố các nội dung của Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 11. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Trường hợp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô nộp Bộ Tài chính hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Cam kết của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô về việc Giấy phép bị mất, bị hư hỏng, bị hủy hoại hoặc bị tiêu hủy và các tài liệu chứng minh (nếu có).

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 12. Hồ sơ, trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải đề nghị Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

b) Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động.

2. Hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô về việc thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính;

c) Tài liệu chứng minh về quyền sử dụng địa điểm đặt trụ sở chính (đối với việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính).

3. Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động bao gồm các tài liệu sau:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản của cấp có thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô về việc thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động;

c) Các tài liệu chứng minh: tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thực hiện ký quỹ đầy đủ theo quy định tại Điều 37 Nghị định này; trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định tại Điều 38 Nghị định này; có kết quả hoạt động dương tại thời điểm lập báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm liền kề trước năm nộp hồ sơ (đối với trường hợp mở rộng nội dung, phạm vi hoạt động); bảo đảm hoàn thành các trách nhiệm đối với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô (đối với trường hợp thu hẹp nội dung, phạm vi hoặc thay đổi thời hạn hoạt động).

4. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động) hoặc trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với đề nghị thay đổi tên, địa điểm đặt trụ sở chính), Bộ Tài chính cấp Giấy phép điều chỉnh theo Mẫu số 05 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp từ chối chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

Điều 13. Trình tự, thủ tục đình chỉ nội dung hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 36 Nghị định này, Bộ Tài chính quyết định đình chỉ nội dung hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bằng văn bản. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm, thời hạn đình chỉ từ 01 đến 06 tháng.

2. Trong thời gian bị đình chỉ nội dung hoạt động, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Không được ký mới, gia hạn các hợp đồng bảo hiểm vi mô;

b) Trích lập đầy đủ dự phòng nghiệp vụ theo quy định của pháp luật đối với các hợp đồng bảo hiểm vi mô đã ký kết trước thời điểm bị đình chỉ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, thực hiện các nghĩa vụ đối với hợp đồng đã giao kết với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô và người lao động theo quy định của pháp luật;

c) Thực hiện phương án khắc phục tình trạng vi phạm.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn đình chỉ, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện phương án khắc phục.

a) Trường hợp đã khắc phục được tình trạng vi phạm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được tiếp tục hoạt động bình thường;

b) Trường hợp không khắc phục được tình trạng vi phạm, Bộ Tài chính thực hiện thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô. Việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 14 và Điều 16 Nghị định này.

Điều 14. Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép;

b) Hoạt động không đúng với nội dung tại Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Không khắc phục được tình trạng vi phạm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Nghị định này;

d) Không thể tăng số lượng thành viên theo phương án đã báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này;

đ) Tự nguyện giải thể.

2. Đối với các trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định này.

3. Đối với các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d khoản 1 Điều này, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

4. Đối với các trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.

5. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chấm dứt hoạt động kể từ ngày Bộ Tài chính có Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.

Điều 15. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong trường hợp gian lận trong cấp phép, hoạt động không đúng nội dung tại Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Kể từ ngày ký biên bản xác định vi phạm quy định đối với trường hợp quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 14 Nghị định này, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Không được ký mới, gia hạn các hợp đồng bảo hiểm vi mô;

b) Thông báo tới toàn bộ thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, cá nhân và tổ chức có liên quan về việc thực hiện phân chia tài sản trước khi bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

c) Thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện phân chia tài sản theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc phân chia tài sản được thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Trả tiền bồi thường, trả tiền bảo hiểm đối với các yêu cầu đòi bồi thường, trả tiền bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm;

b) Hoàn phí bảo hiểm tương ứng với thời hạn bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm vi mô;

c) Trả khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động;

d) Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; trả các khoản nợ không có bảo đảm cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; trả các khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ;

đ) Hoàn trả nguồn vốn thành lập từ các thành viên sáng lập.

Trường hợp giá trị tài sản không đủ để phân chia thì các đối tượng thuộc cùng một thứ tự ưu tiên được thanh toán theo tỷ lệ phần trăm tương ứng với số nợ. Trường hợp sau khi phân chia các khoản trên, tài sản của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vẫn còn thì được phân chia cho các thành viên sáng lập, thành viên tham gia bảo hiểm vi mô.

3. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký biên bản xác định vi phạm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải hoàn thành các công việc quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này và báo cáo Bộ Tài chính kèm theo các tài liệu chứng minh đã hoàn thành công việc.

4. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 3 Điều này, Bộ Tài chính ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và công bố Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Điều 16. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không khắc phục được vi phạm

1. Kể từ ngày kết thúc thời hạn đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này mà tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không khắc phục được tình trạng vi phạm hoặc kể từ ngày tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô báo

cáo Bộ Tài chính về việc không thể tăng số lượng thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thực hiện các quy định sau đây:

a) Thông báo tới toàn bộ thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, cá nhân và tổ chức có liên quan về việc thực hiện phân chia tài sản trước khi bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;

b) Thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện phân chia tài sản theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này.

2. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải hoàn thành các công việc quy định tại khoản 1 Điều này và báo cáo Bộ Tài chính kèm theo các tài liệu chứng minh trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày kết thúc thời hạn đình chỉ quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này mà tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không khắc phục được tình trạng vi phạm; hoặc trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô báo cáo Bộ Tài chính về việc không thể tăng số lượng thành viên theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Nghị định này.

3. Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản 2 Điều này, Bộ Tài chính ban hành Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và công bố Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Điều 17. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động trong trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô tự nguyện giải thể

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chỉ được giải thể khi đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ và không có tranh chấp với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, người lao động, Nhà nước và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

2. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô tự nguyện giải thể phải gửi đến Bộ Tài chính bộ hồ sơ đề nghị giải thể bao gồm:

a) Đơn đề nghị giải thể tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là cá nhân) hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền theo Điều lệ của

Tổ chức đại diện thành viên (đối với trường hợp thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên) về việc giải thể, phương án giải thể;

c) Phương án hoàn thành các nghĩa vụ với các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, nhà nước, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác;

d) Phương án xử lý, phân chia tài sản từ hoạt động bảo hiểm vi mô cho các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô.

3. Trong thời hạn 14 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị giải thể của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, Bộ Tài chính ra văn bản chấp thuận về nguyên tắc việc giải thể của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô. Trường hợp không chấp thuận, Bộ Tài chính có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Sau khi nhận được văn bản chấp thuận về nguyên tắc việc giải thể, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Không được ký mới, gia hạn các hợp đồng bảo hiểm vi mô;

b) Đăng báo hàng ngày trong 05 số báo liên tiếp về việc tổ chức bảo hiểm tương hỗ vi mô tự nguyện giải thể;

c) Thông báo tới toàn bộ thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, cá nhân và tổ chức có liên quan về việc tự nguyện giải thể;

d) Thành lập Hội đồng giải thể để thực hiện phân chia tài sản theo phương án xử lý, phân chia tài sản đã báo cáo Bộ Tài chính.

5. Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Bộ Tài chính chấp thuận về nguyên tắc việc giải thể, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô hoàn thành việc thực hiện các nghĩa vụ với các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, nhà nước, người lao động và các tổ chức, cá nhân có liên quan khác; xử lý, phân chia tài sản theo phương án đã báo cáo Bộ Tài chính.

6. Sau khi hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, người lao động, Nhà nước và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện kèm theo các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ.

7. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ báo cáo về việc hoàn thành các nghĩa vụ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, Bộ Tài chính

có Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và công bố Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính.

Điều 18. Quy định chung về hồ sơ, tài liệu

1. Các hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 2 và khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 17 phải đáp ứng các quy định sau:

a) Các tài liệu có chữ ký, chức danh và con dấu nước ngoài của tổ chức, cá nhân nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật trong thời hạn 12 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị, trừ các tài liệu sau đây: văn bản đề nghị cấp Giấy phép; bản sao thẻ căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; văn bản của cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp; văn bản ủy quyền; văn bản cam kết;

b) Trường hợp hồ sơ có tài liệu là bản sao thì phải là bản sao từ sổ gốc hoặc chứng thực;

c) Tài liệu được lập bằng tiếng nước ngoài phải được gửi kèm bản dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi cơ quan có thẩm quyền;

d) Phiếu lý lịch tư pháp theo mẫu được cơ quan có thẩm quyền cấp trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 12 tháng, trong đó phải có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích và thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã;

đ) Sơ yếu lý lịch phải được lập trước ngày nộp hồ sơ đề nghị không quá 6 tháng;

e) Có danh mục tài liệu trong bộ hồ sơ.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình lập hồ sơ, tài liệu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ, tài liệu. Trường hợp tổ chức, cá nhân gian lận, giả mạo các giấy tờ, tài liệu chứng minh đủ điều kiện để được cấp giấy phép trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thì trong vòng 05 năm kể từ thời điểm phát hiện hành vi gian lận, giả mạo giấy tờ, tài liệu tại hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép, Bộ Tài chính có quyền từ chối xem xét cấp phép thành lập và hoạt động triển khai bảo hiểm vi mô đối với các tổ chức, cá nhân này.

3. Khi các loại giấy tờ về pháp lý, nhận dạng, cư trú của công dân thuộc thành phần hồ sơ quy định tại Nghị định này đã được tích hợp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân thì Bộ Tài chính có trách nhiệm khai thác và sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước công dân trên cơ sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước.

Mục 2
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

Điều 19. Nội dung hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

Nội dung hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô gồm:

1. Cung cấp sản phẩm bảo hiểm vi mô.

2. Đầu tư vốn hoạt động, quỹ dự trữ bắt buộc và vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm.

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, quản lý của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có thành viên sáng lập là cá nhân quy định tại điểm a khoản 1 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm, cơ cấu tổ chức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Đại hội thành viên;

b) Hội đồng quản trị;

c) Tổng giám đốc (Giám đốc);

d) Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

2. Trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô mà thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên quy định tại điểm b khoản 1 Điều 149 Luật Kinh doanh bảo hiểm, cơ cấu tổ chức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Tổ chức đại diện thành viên;

b) Hội đồng quản trị;

c) Tổng giám đốc (Giám đốc);

d) Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

Điều 21. Đại hội thành viên

1. Đối với các tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô mà thành viên sáng lập là cá nhân, Đại hội thành viên có quyền quyết định cao nhất của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô. Đại hội thành viên gồm Đại hội thành viên thường niên và Đại hội thành viên bất thường. Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể.

2. Đại hội thành viên thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập phải được họp trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính để quyết định các nội dung sau:

a) Thông qua báo cáo kết quả hoạt động trong năm của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

b) Thông qua phương án, kế hoạch hoạt động và tài chính trong năm tiếp theo của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật; giảm phí bảo hiểm cho các thành viên trong năm tài chính tiếp theo theo đề nghị của Hội đồng quản trị;

d) Quyết định huy động vốn bổ sung;

đ) Bầu, bãi miễn các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

e) Giải thể tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

g) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

h) Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên và các chức danh khác (nếu có) của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

i) Những vấn đề khác theo đề nghị bằng văn bản của Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 1/3 tổng số thành viên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Đại hội thành viên được tiến hành khi có ít nhất 75% tổng số thành viên; trường hợp không đủ số lượng thành viên thì phải hoãn đại hội thành viên. Sau 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp của đại hội thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có ít nhất 50% tổng số thành viên. Trường hợp cuộc họp thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì tiến hành cuộc họp lần thứ 3 không phụ thuộc vào số thành viên tham dự trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ 2.

3. Đại hội thành viên bất thường do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên hoặc thành viên đại diện của ít nhất một phần ba tổng số thành viên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô triệu tập trong những trường hợp sau đây:

a) Giải quyết những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Hội đồng quản trị không tổ chức được cuộc họp định kỳ sau hai lần triệu tập;

c) Theo đề nghị của Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên;

d) Theo đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoặc đề nghị của ít nhất một phần ba tổng số thành viên, Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội thành viên bất thường. Trong trường hợp quá thời hạn 15 ngày mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội thành viên bất thường thì Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có quyền triệu tập Đại hội thành viên.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên có quyền triệu tập mà không triệu tập Đại hội thành viên bất thường theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thành viên đại diện cho ít nhất một phần ba tổng số thành viên có quyền triệu tập đại hội.

Điều 22. Tổ chức đại diện thành viên

Đối với các tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô mà thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên, tổ chức đại diện thành viên là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và có quyền quyết định các nội dung sau:

1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động trong năm của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên.

2. Thông qua phương án, kế hoạch hoạt động tài chính trong năm tiếp theo của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

3. Hoàn trả vốn thành lập được hỗ trợ từ tổ chức đại diện thành viên khi tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có kết quả hoạt động lớn hơn không, đã trích lập và duy trì quỹ dự trữ bắt buộc không thấp hơn 50 tỷ đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 42 Nghị định này.

4. Trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật; giảm phí bảo hiểm cho các thành viên trong năm tài chính tiếp theo theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

5. Quyết định huy động vốn bổ sung.

6. Bổ nhiệm, bãi nhiệm các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

7. Giải thể tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

9. Thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát hoặc Kiểm soát viên và các chức danh khác (nếu có) của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

10. Những vấn đề khác theo đề nghị bằng văn bản của Hội đồng quản trị hoặc của ít nhất 1/3 tổng số thành viên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 23. Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, có toàn quyền nhân danh tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên hoặc Tổ chức đại diện thành viên. Hội đồng quản trị do Đại hội thành viên bầu (đối với tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô do thành viên sáng lập) hoặc do Tổ chức đại diện thành viên chỉ định (đối với tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô do Tổ chức đại diện thành viên thành lập).

2. Hội đồng quản trị họp tối thiểu định kỳ hai lần một năm, thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Kiến nghị Đại hội thành viên hoặc Tổ chức đại diện thành viên quyết định việc tăng, giảm phí bảo hiểm cho các thành viên trong năm tài chính tiếp theo; quyết định hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động;

c) Quyết định phương án đầu tư;

d) Quyết định giải pháp phát triển hoạt động và công nghệ; thông qua hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc (Giám đốc) và cán bộ quản lý quan trọng khác của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó;

e) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội thành viên, Tổ chức đại diện thành viên;

h) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội thành viên, triệu tập họp Đại hội thành viên hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội thành viên thông qua quyết định;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc

1. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc Giám đốc. Trường hợp Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không quy định thì người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc hoặc Giám đốc.

2. Tổng giám đốc hoặc Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung sau:

a) Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án mà chưa được xóa án tích theo quy định;

b) Có bằng từ đại học trở lên về bảo hiểm, tài chính, ngân hàng. Trường hợp có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành khác thì phải có chứng chỉ đào tạo về bảo hiểm do các cơ sở đào tạo về bảo hiểm được thành lập và hoạt động hợp pháp trong hoặc ngoài nước cấp;

c) Ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải có ít nhất 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm.

Điều 25. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô

1. Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Không phải là người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc người bị kết án mà chưa được xóa án tích theo quy định;

b) Là thành viên (Associate) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế hoặc có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm và có bằng chứng chứng minh đã thi đạt tối thiểu 02 môn thi (exam) của một trong các Hội sau: Hội các nhà tính toán bảo hiểm Vương quốc Anh, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Hoa Kỳ, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Úc, Hội các nhà tính toán bảo hiểm Ca-na-đa hoặc đã thi đạt các môn thi theo khóa học, chương trình đào tạo chuyên ngành tính toán được các Hội trên công nhận tương đương với 02 môn thi của Hội.

Sau 05 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô phải tối thiểu là thành viên (Associate) của Hội các nhà tính toán bảo hiểm đang là thành viên chính thức của Hội các nhà tính toán bảo hiểm quốc tế.

2. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được sử dụng Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô theo các hình thức sau:

a) Ký hợp đồng lao động với Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô;

b) Thỏa thuận giao kết hợp đồng thuê ngoài với tổ chức, cá nhân khác để thực hiện các nhiệm vụ của Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô quy định tại khoản 3 Điều này. Trong trường hợp này, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô vẫn phải chịu trách nhiệm cuối cùng và duy nhất đối với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô.

3. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải sử dụng chuyên gia tính toán đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này để thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Tính toán phí bảo hiểm; hàng năm đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm, tính toán và điều chỉnh lại phí bảo hiểm vào năm sau, phương án sử dụng kết quả hoạt động;

b) Tính toán việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định của pháp luật;

c) Định kỳ hàng quý và hàng năm, báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) về thực trạng tình hình tài chính, tình hình hoạt động đầu tư của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, trong đó nêu các rủi ro phát sinh và đề xuất về tài sản đầu tư, thời hạn đầu tư của từng loại tài sản đảm bảo tương xứng giữa thời hạn của tài sản đầu tư với các trách nhiệm đã cam kết theo hợp đồng bảo hiểm;

d) Báo cáo kịp thời bằng văn bản cho Tổng giám đốc (Giám đốc), Hội đồng quản trị về mọi vấn đề bất thường có khả năng ảnh hưởng bất lợi tới tình hình tài chính của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và đề xuất biện pháp khắc phục.

đ) Đánh giá chương trình tái bảo hiểm và các hợp đồng tái bảo hiểm (nếu có) trước khi trình Tổng giám đốc (Giám đốc), Hội đồng quản trị phê duyệt;

e) Báo cáo Bộ Tài chính định kỳ hàng năm về các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ của mình theo Mẫu số 11 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thời hạn chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;

g) Các nhiệm vụ khác để đảm bảo an toàn tài chính cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 26. Quản trị rủi ro

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thành lập Ban kiểm soát hoặc chỉ định Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

2. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải xây dựng, triển khai thực hiện: các quy chế phân công trách nhiệm trong nội bộ; quy trình nghiên cứu phát triển sản phẩm, khai thác, thẩm định, bồi thường, tái bảo hiểm và các quy trình nghiệp vụ khác.

3. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, các quy trình nghiệp vụ và quy định nội bộ. Hoạt động kiểm tra, giám sát phải độc lập với các hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm và bảo đảm đánh giá, phát hiện kịp thời mọi rủi ro có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến hiệu quả và mục tiêu hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, phản ánh kịp thời với cấp có thẩm quyền của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô để có biện pháp xử lý thích hợp.

4. Kết quả kiểm tra, giám sát phải được lập thành văn bản và lưu giữ tại tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 27. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên

1. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên được Đại hội thành viên bầu (đối với trường hợp tổ chức tương hỗ có thành viên sáng lập là cá nhân) hoặc do Tổ chức đại diện thành viên chỉ định (đối với trường hợp tổ chức tương hỗ có thành viên sáng lập là tổ chức đại diện thành viên).

2. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên hoạt động độc lập, chịu trách nhiệm trước Đại hội thành viên hoặc Tổ chức đại diện thành viên, thực hiện các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Báo cáo Đại hội thành viên về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

d) Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

đ) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại điểm a và điểm b khoản này không được làm cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn trong điều hành hoạt động hàng ngày của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

3. Thành viên của Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng, thủ quỹ và không phải là cha, mẹ đẻ; cha, mẹ nuôi; vợ, chồng; con, con nuôi; anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên khác của Ban kiểm soát (trong trường hợp thành lập Ban kiểm soát).

Mục 3
HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

Điều 28. Phân phối sản phẩm bảo hiểm vi mô

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có thể phân phối sản phẩm bảo hiểm vi mô thông qua các tổ chức, cá nhân sau:

a) Các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô;

b) Đại lý bảo hiểm.

2. Các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô thực hiện tư vấn về sản phẩm bảo hiểm vi mô, hỗ trợ giao kết hợp đồng bảo hiểm vi mô thì phải được đào tạo tối thiểu 14 giờ/năm về sản phẩm bảo hiểm vi mô trước khi thực hiện. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có trách nhiệm đào tạo cho các thành viên.

3. Đại lý bảo hiểm cung cấp bảo hiểm vi mô phải có một trong các loại chứng chỉ đại lý bảo hiểm sau đây:

a) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm nhân thọ cơ bản;

b) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm sức khỏe;

c) Chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ cơ bản (chỉ áp dụng đối với đại lý bảo hiểm cung cấp sản phẩm bảo hiểm vi mô có quyền lợi bảo hiểm tài sản).

Điều 29. Nội dung hợp đồng bảo hiểm vi mô

Nội dung của hợp đồng bảo hiểm vi mô phải có tối thiểu các nội dung sau:

1. Thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, người thụ hưởng (nếu có).

2. Đối tượng bảo hiểm.

3. Số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài sản được bảo hiểm.

4. Phạm vi hoặc quyền lợi bảo hiểm; quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm.

5. Thời hạn bảo hiểm, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

6. Mức phí bảo hiểm, phương thức, định kỳ đóng phí bảo hiểm.

7. Phương thức bồi thường, trả tiền bảo hiểm.

8. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo quy định pháp luật.

9. Quyền và nghĩa vụ của thành viên tham gia bảo hiểm vi mô theo quy định pháp luật.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có quyền:

a) Thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô;

b) Yêu cầu thành viên tham gia bảo hiểm vi mô cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm vi mô;

c) Từ chối trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp phát hiện thành viên tham gia bảo hiểm vi mô cố ý cung cấp thông tin sai sự thật và thông tin này liên quan trực tiếp đến sự kiện bảo hiểm;

d) Từ chối trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng hoặc từ chối bồi thường cho người được bảo hiểm trong trường hợp không thuộc phạm vi bảo hiểm hoặc loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô;

đ) Các quyền khác theo quy định pháp luật, thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô và quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

2. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có nghĩa vụ:

a) Cung cấp thông tin và giải thích đầy đủ, chính xác về quy tắc, điều kiện, điều khoản sản phẩm bảo hiểm vi mô cho thành viên tham gia bảo hiểm vi mô; quyền, nghĩa vụ của thành viên tham gia bảo hiểm vi mô;

b) Trả tiền bảo hiểm kịp thời cho người thụ hưởng hoặc bồi thường cho người được bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm;

c) Theo dõi, đối chiếu và xác nhận thống nhất thông tin với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô về sản phẩm bảo hiểm vi mô mà thành viên đã tham gia, số phí bảo hiểm đã đóng và kỳ đóng phí, số tiền bảo hiểm được chi trả;

d) Thông báo cho thành viên tham gia bảo hiểm vi mô về kết quả hoạt động bảo hiểm vi mô định kỳ hàng năm, kế hoạch sử dụng kết quả hoạt động bảo hiểm vi mô.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô và quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của thành viên tham gia bảo hiểm vi mô

1. Thành viên tham gia bảo hiểm vi mô có các quyền sau đây:

a) Được hưởng các quyền lợi theo hợp đồng bảo hiểm vi mô mà thành viên đó đã giao kết với tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Được hưởng kết quả hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

c) Quyền bình đẳng, biểu quyết ngang nhau không phụ thuộc phí bảo hiểm đã đóng trong việc quyết định tổ chức, quản lý và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; được cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác về hoạt động của tổ chức, sử dụng kết quả hoạt động của tổ chức (trong trường hợp

kết quả hoạt động lớn hơn không) và những nội dung khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

d) Tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội thành viên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

đ) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số phí bảo hiểm đã góp khi tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô giải thể;

e) Các quyền khác theo quy định pháp luật, thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô và quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

2. Thành viên tham gia bảo hiểm vi mô có các nghĩa vụ sau đây:

a) Đóng phí bảo hiểm đầy đủ theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô;

b) Chấp hành điều lệ, nội quy, quy chế hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và các nghị quyết được thông qua tại Đại hội thành viên;

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, khoản lỗ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô trong phạm vi số phí bảo hiểm đã đóng cho tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm vi mô và quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 32. Số lượng thành viên tham gia bảo hiểm vi mô

1. Sau 06 tháng kể từ thời điểm cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải đảm bảo luôn duy trì tối thiểu 1.000 thành viên tham gia bảo hiểm vi mô.

2. Trường hợp số lượng thành viên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thấp hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này trong vòng 06 tháng liên tục, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải báo cáo ngay Bộ Tài chính về thực trạng, nguyên nhân và phương án khắc phục, thời hạn thực hiện phương án khắc phục.

3. Sau 06 tháng kể từ thời điểm báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này, trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không thể tăng số lượng

thành viên theo phương án đã báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Tài chính thực hiện thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô. Việc thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động được thực hiện theo quy định tại Điều 14, Điều 16 Nghị định này.

Điều 33. Chấm dứt tư cách thành viên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Tư cách thành viên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chấm dứt theo một trong các trường hợp sau đây:

a) Hợp đồng bảo hiểm giữa thành viên và tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chấm dứt hoặc được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

b) Thành viên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô là cá nhân chết;

c) Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô giải thể;

d) Các trường hợp khác do Điều lệ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô quy định.

2. Trừ khi Điều lệ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô hay hợp đồng bảo hiểm vi mô có quy định khác, thành viên sáng lập không được đơn phương chấm dứt tư cách thành viên trong thời hạn 03 năm kể từ khi tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

3. Việc giải quyết quyền lợi và nghĩa vụ đối với thành viên trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, hợp đồng bảo hiểm đã giao kết với tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 34. Báo cáo nghiệp vụ

1. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý và chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thực hiện lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo nghiệp vụ theo quý, năm theo quy định từ Mẫu số 07 đến Mẫu số 10 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này được gửi trực tiếp hoặc qua bưu điện hoặc nộp trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Ngoài các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ Tài chính có thể yêu cầu tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô báo cáo bổ sung về tình hình hoạt động, tình hình tài chính để phục vụ công tác quản lý giám sát, thống kê và phân tích thị trường.

Điều 35. Tái bảo hiểm

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có thể chuyển một phần trách nhiệm đã nhận bảo hiểm trong một hợp đồng bảo hiểm cho một hoặc nhiều doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm trong và ngoài nước.

2. Doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm phải đáp ứng quy định dưới đây:

a) Đang hoạt động hợp pháp và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về khả năng thanh toán theo quy định pháp luật;

b) Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm nước ngoài nhận tái bảo hiểm từ 10% mức trách nhiệm bảo hiểm trở lên của 01 hợp đồng bảo hiểm vi mô phải được xếp hạng tối thiểu "BBB" theo Standard & Poor's hoặc Fitch, "B++" theo A.M.Best, "Baal" theo Moody's hoặc các kết quả xếp hạng tương đương của các tổ chức có chức năng, kinh nghiệm xếp hạng khác tại năm tài chính gần nhất so với thời điểm giao kết hợp đồng tái bảo hiểm.

3. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chịu trách nhiệm duy nhất đối với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô theo hợp đồng bảo hiểm vi mô, kể cả trong trường hợp tái bảo hiểm những trách nhiệm đã nhận bảo hiểm. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không được từ chối hoặc trì hoãn thực hiện trách nhiệm của mình đối với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, kể cả trường hợp doanh nghiệp nhận tái bảo hiểm không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tái bảo hiểm cho những trách nhiệm đã nhận tại hợp đồng tái bảo hiểm.

Mục 4
QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, CÔNG KHAI THÔNG TIN VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Điều 36. Quản lý vốn hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

1. Vốn hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Vốn thành lập;

b) Quỹ dự trữ bắt buộc;

c) Kết quả hoạt động chưa sử dụng.

2. Trong suốt quá trình hoạt động, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải bảo đảm duy trì mức vốn hoạt động không thấp hơn mức vốn thành lập tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

3. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thường xuyên đánh giá lại vốn hoạt động. Trường hợp vốn hoạt động chưa đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải báo cáo ngay Bộ Tài chính phương án, thời hạn thực hiện tăng vốn thành lập. Việc tăng vốn thành lập phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

a) Việc tăng vốn thành lập được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam;

b) Không được sử dụng vốn vay, nguồn vốn ủy thác đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác để bổ sung vốn thành lập;

c) Nguồn tăng vốn thành lập bao gồm các nguồn quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này.

4. Sau 6 tháng kể từ thời điểm báo cáo Bộ Tài chính theo quy định tại khoản 3 Điều này, trường hợp tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô không thể tăng vốn thành lập theo phương án đã báo cáo, Bộ Tài chính đình chỉ hoạt động tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo quy định tại Điều 13 Nghị định này.

5. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thực hiện đầu tư vốn thành lập, quỹ dự trữ bắt buộc theo quy định tại Điều 39 Nghị định này.

Điều 37. Ký quỹ

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải sử dụng một phần vốn thành lập để ký quỹ tại một ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam (trừ những ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt).

2. Mức tiền ký quỹ bằng 10% vốn thành lập tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định này. Số tiền ký quỹ này được duy trì trong suốt thời gian hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

3. Trong quá trình hoạt động, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chỉ được sử dụng tiền ký quỹ để đáp ứng các cam kết đối với thành viên tham gia bảo hiểm khi dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả quyền lợi bảo hiểm. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày sử dụng tiền ký quỹ, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có trách nhiệm bổ sung đủ số tiền ký quỹ đã sử dụng.

4. Khi thực hiện phân chia tài sản theo trình tự thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động quy định tại Điều 15, Điều 16, Điều 17 Nghị định này, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được rút toàn bộ tiền ký quỹ theo Quyết định của Hội đồng giải thể.

Điều 38. Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm

Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhằm thanh toán cho những trách nhiệm bảo hiểm đã được xác định trước và phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm vi mô đã giao kết.

Hàng tháng, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải đánh giá lại và thực hiện trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo các hướng dẫn sau:

1. Dự phòng phí chưa được hưởng: Sử dụng để trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường cho trách nhiệm sẽ phát sinh trong thời gian hiệu lực còn lại của hợp đồng bảo hiểm vi mô. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được chủ động lựa chọn một trong các phương pháp trích lập sau:

a) Phương pháp trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm: Dự phòng phí chưa được hưởng bằng 50% tổng phí bảo hiểm của các hợp đồng bảo hiểm vi mô giao kết trong năm tài chính và còn hiệu lực tại thời điểm trích lập dự phòng nghiệp vụ.

b) Phương pháp trích lập theo hệ số 1/8 của thời hạn hợp đồng bảo hiểm vi mô (đối với định kỳ đóng phí năm): Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm vi mô phát hành trong một quý của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có hiệu lực vào giữa quý đó và còn hiệu lực tại thời điểm tính dự phòng. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

Ví dụ: Dự phòng phí chưa được hưởng tại thời điểm 31/12/X được tính như sau đối với các hợp đồng bảo hiểm vi mô có thời hạn 01 năm và còn hiệu lực vào ngày 31/12/X:

Thời điểm hợp đồng bảo hiểm vi mô hết hiệu lực		**Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng**
Năm	**Quý**	
X + 1	I	1/8
	II	3/8
	III	5/8
	IV	7/8

c) Phương pháp trích lập theo hệ số 1/24 của thời hạn hợp đồng bảo hiểm vi mô (đối với định kỳ đóng phí năm): Phương pháp này giả định phí bảo hiểm thuộc các hợp đồng bảo hiểm vi mô phát hành trong một tháng của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có hiệu lực vào giữa tháng đó và còn hiệu lực tại thời điểm tính dự phòng. Dự phòng phí chưa được hưởng được tính theo công thức sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng = Phí bảo hiểm x Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng

Ví dụ: Dự phòng phí chưa được hưởng tại thời điểm 31/12/X được tính như sau đối với hợp đồng bảo hiểm vi mô có thời hạn 01 năm và còn hiệu lực vào ngày 31/12/X:

Thời điểm hợp đồng bảo hiểm vi mô hết hiệu lực		**Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng**
Năm	**Tháng**	
X + 1	1	1/24
	2	3/24
	3	5/24
	4	7/24

Thời điểm hợp đồng bảo hiểm vi mô hết hiệu lực		Tỷ lệ phí bảo hiểm chưa được hưởng
Năm	**Tháng**	
	5	9/24
	6	11/24
	7	13/24
	8	15/24
	9	17/24
	10	19/24
	11	21/24
	12	23/24

d) Phương pháp trích lập dự phòng phí theo từng ngày: Phương pháp này có thể được áp dụng để tính dự phòng phí chưa được hưởng đối với hợp đồng bảo hiểm vi mô thuộc mọi thời hạn theo công thức tổng quát sau:

$$\text{Dự phòng phí chưa được hưởng} = \frac{\text{Phí bảo hiểm} \times \text{Số ngày bảo hiểm còn lại của hợp đồng bảo hiểm vi mô}}{\text{Tổng số ngày bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm vi mô}}$$

đ) Đối với trường hợp đóng phí bảo hiểm không theo định kỳ năm, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập bằng 50% tổng phí bảo hiểm thu được trong kỳ.

2. Dự phòng bồi thường:

a) Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu trả tiền bảo hiểm, đòi bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết: Được trích lập bằng tổng số tiền bảo hiểm có thể phải trả cho từng hồ sơ đã thông báo hoặc đã yêu cầu trả tiền bảo hiểm, đòi bồi thường nhưng đến cuối kỳ trích lập dự phòng chưa được chi trả.

b) Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu trả tiền bảo hiểm, đòi bồi thường: Được trích lập bằng 3% tổng phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính.

3. Dự phòng bảo đảm cân đối: Mức trích lập là 1% kết quả hoạt động trước thuế (nếu có), được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 5% phí bảo hiểm thu được trong năm tài chính của tổ chức tương hỗ.

Điều 39. Đầu tư tài chính

1. Việc đầu tư vốn thành lập, quỹ dự trữ bắt buộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định này; đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm quy định tại khoản 2 Điều này của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải đảm bảo an toàn, hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu chi trả thường xuyên cho các cam kết theo hợp đồng bảo hiểm vi mô.

2. Nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ

a) Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải duy trì khoản tiền dùng để trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ không thấp hơn 25% tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và được gửi dưới dạng tiền gửi từ 01 năm trở xuống tại các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam (trừ những ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt);

b) Nguồn vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm là tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm trừ các khoản tiền dùng để trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường bảo hiểm thường xuyên trong kỳ quy định tại điểm a khoản này.

3. Vốn thành lập, quỹ dự trữ bắt buộc và vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô chỉ được đầu tư tại Việt Nam trong các lĩnh vực sau:

a) Mua trái phiếu Chính phủ kỳ hạn dưới 05 năm;

b) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại hoạt động tại Việt Nam (trừ những ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt).

4. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải ban hành, thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế, quy trình đầu tư.

Điều 40. Doanh thu của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

Doanh thu của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm:

1. Doanh thu từ hoạt động triển khai sản phẩm bảo hiểm vi mô: Là số tiền phải thu phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ. Trong đó:

a) Số tiền phải thu phát sinh trong kỳ bao gồm: Thu phí bảo hiểm gốc; Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm (nếu có); Thu yêu cầu người thứ ba bồi hoàn.

b) Các khoản phải chi để giảm thu phát sinh trong kỳ bao gồm: Hoàn phí bảo hiểm; Phí tái bảo hiểm; Hoàn hoa hồng tái bảo hiểm; Giảm hoa hồng tái bảo hiểm.

2. Thu từ hoạt động đầu tư.

3. Các khoản thu hợp pháp khác (nếu có).

Điều 41. Chi phí của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

Chi phí của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ bao gồm:

1. Chi phí hoạt động triển khai sản phẩm bảo hiểm vi mô: Là số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ sau khi đã trừ các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ. Trong đó:

a) Số tiền phải chi, phải trích phát sinh trong kỳ bao gồm: Bồi thường bảo hiểm gốc hoặc trả tiền bảo hiểm; Trích lập dự phòng nghiệp vụ; Chi hoa hồng bảo hiểm; Chi cho hoạt động phân phối sản phẩm bảo hiểm vi mô; Chi giám định tổn thất; Chi đề phòng, hạn chế rủi ro, tổn thất; Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm; Chi thẩm định bảo hiểm; Chi nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm; Chi xây dựng, hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin phục vụ việc quản lý hợp đồng bảo hiểm vi mô, tài chính - kế toán đối với hoạt động bảo hiểm vi mô; Chi đào tạo, tuyên truyền bảo hiểm vi mô; Chi tiền lương, công tác phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các khoản phụ cấp cho ban điều hành và nhân viên phụ trách hoạt động bảo hiểm vi mô; Chi thuê trụ sở làm việc (nếu có); Chi mua sắm, sửa chữa vật tư văn phòng, tài sản phục vụ hoạt động bảo hiểm vi mô, các dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động bảo hiểm vi mô.

b) Các khoản phải thu để giảm chi phát sinh trong kỳ bao gồm: Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm.

2. Chi phí hoạt động đầu tư.

3. Các khoản chi hợp pháp khác (nếu có).

Điều 42. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô là khoản chênh lệch được xác định giữa tổng doanh thu trừ tổng chi phí trong năm tài chính (bao gồm nghĩa vụ tài chính với Nhà nước) theo quy định của pháp luật.

Trường hợp kết quả hoạt động lớn hơn không, sau khi hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô phải thực hiện các quy định sau đây:

1. Trích 10% kết quả hoạt động sau thuế (nếu có) để lập quỹ dự trữ bắt buộc. Mức tối đa của quỹ dự trữ bắt buộc bằng 50 tỷ đồng;

2. Sau khi trích lập quỹ dự trữ bắt buộc, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô sử dụng phần còn lại của kết quả hoạt động để thực hiện các nội dung sau:

a) Bổ sung nguồn vốn hoạt động;

b) Hoàn trả nguồn vốn thành lập được hỗ trợ từ tổ chức đại diện thành viên nhưng không được tính lãi. Việc hoàn trả chỉ được thực hiện khi tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đã trích lập và duy trì quỹ dự trữ bắt buộc không thấp hơn 50 tỷ đồng;

c) Làm cơ sở để giảm phí bảo hiểm hoặc gia tăng số tiền bảo hiểm, bổ sung quyền lợi bảo hiểm cho các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô vào năm tài chính sau;

d) Các mục đích khác theo quy định tại Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 43. Chế độ kế toán và năm tài chính

1. Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán đối với tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

2. Năm tài chính của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

3. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thực hiện lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo tài chính theo quý.

4. Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô thực hiện quyết toán tài chính, lập và gửi Bộ Tài chính báo cáo tài chính được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định pháp luật.

Điều 44. Trách nhiệm công khai thông tin

1. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có trách nhiệm công khai các thông tin quy định tại Điều 45 Nghị định này đến các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô.

2. Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô có trách nhiệm đăng tải thông tin cần công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô hoặc gửi trực tiếp đến các thành viên tham gia bảo hiểm vi mô. Việc công khai thông tin phải đảm bảo chính xác, kịp thời, đầy đủ, dễ theo dõi.

3. Thời hạn công khai thông tin thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với các thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 45 Nghị định này: Thực hiện công khai trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có một trong các sự kiện liên quan tới các thông tin cần công khai;

b) Đối với các thông tin quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định này: Thực hiện công khai trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn gửi báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 43 Nghị định này;

c) Đối với các thông tin quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định này: Thực hiện công khai trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện liên quan tới các thông tin cần công khai.

Điều 45. Nội dung công khai thông tin

1. Các thông tin liên quan đến cấp phép, tổ chức, nhân sự của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, bao gồm:

a) Thông tin trong Giấy phép thành lập và hoạt động; Giấy phép điều chỉnh;

b) Thông tin về việc bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc), người đại diện theo pháp luật và Chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô;

c) Địa chỉ trụ sở chính;

d) Đường dây nóng.

2. Các thông tin về hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm vi mô bao gồm:

a) Quy tắc, điều khoản, biểu phí của từng sản phẩm bảo hiểm vi mô mà tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đang cung cấp;

b) Quy trình, hồ sơ yêu cầu và thời hạn giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm;

c) Các mục tiêu, chính sách quản lý đầu tư.

3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

4. Các thông tin bất thường liên quan đến:

a) Việc đình chỉ nội dung hoạt động, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô;

b) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về triển khai bảo hiểm vi mô.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 5 năm 2023.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Phụ lục

(Kèm theo Nghị định số 21/2023/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp giấy phép thành lập và hoạt động
Mẫu số 02	Giấy phép thành lập và hoạt động
Mẫu số 03	Đơn đề nghị cấp lại giấy phép thành lập và hoạt động
Mẫu số 04	Đơn đề nghị thay đổi tên/thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính/thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô
Mẫu số 05	Giấy phép điều chỉnh
Mẫu số 06	Đơn đề nghị đăng ký/sửa đổi/bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô
Mẫu số 07	Báo cáo kết quả hoạt động quý, năm
Mẫu số 08	Báo cáo tình hình đầu tư
Mẫu số 09	Báo cáo tình trạng hợp đồng bảo hiểm vi mô
Mẫu số 10	Báo cáo trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm
Mẫu số 11	Báo cáo của chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

Căn cứ Nghị định số..../.../NĐ-CP ngày... của Chính phủ quy định về bảo hiểm vi mô;

Chúng tôi (tên của thành viên sáng lập hoặc Tổ chức đại diện thành viên) đề nghị Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Tổ chức tương hỗ (Tên tổ chức) để cung cấp bảo hiểm vi mô, cụ thể như sau:

I. Các thông tin về thành viên sáng lập/Tổ chức đại diện thành viên

1. Tên và địa chỉ của thành viên sáng lập/Tên, địa chỉ trụ sở chính của Tổ chức đại diện thành viên:

2. Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập (áp dụng đối với Tổ chức đại diện thành viên):

3. Họ tên, chức vụ của người đại diện cho Tổ chức đại diện thành viên:

II. Các thông tin về Tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô dự kiến thành lập

1. Tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch:

2. Địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính:

3. Tên và địa chỉ người đại diện theo pháp luật:

4. Nội dung hoạt động:

5. Phạm vi hoạt động:

6. Thành viên tham gia bảo hiểm vi mô là thành viên của tổ chức: [Ghi rõ tên tổ chức]

7. Nguồn vốn thành lập:

- Số lượng vốn:

- Nguồn hình thành:

8. Thời hạn hoạt động:

Chúng tôi xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác và phù hợp với quy định pháp luật đối với hồ sơ đề nghị và các tài liệu kèm theo.

- Nếu được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến bảo hiểm vi mô và các quy định của Giấy phép thành lập và hoạt động.

HỒ SƠ KÈM THEO *(Liệt kê đầy đủ)*	**TM. THÀNH VIÊN SÁNG LẬP/** **NGƯỜI ĐẠI DIỆN TRƯỚC PHÁP LUẬT** **CỦA TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN THÀNH VIÊN** *(Ký tên và đóng dấu)*

Mẫu số 02

BỘ TÀI CHÍNH

GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Số:...../GP/KDBH

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GP/KDBH	*Hà Nội, ngày tháng năm*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

Căn cứ Nghị định số..../.../NĐ-CP ngày... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số..../.../NĐ-CP ngày... của Chính phủ quy định về bảo hiểm vi mô;

Xét đơn và hồ sơ ngày... tháng.... năm... của (các) thành viên sáng lập xin cấp Giấy phép thành lập và hoạt động [tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô dự kiến được thành lập];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

Cho phép **[**thành viên sáng lập**]**

- Nếu là cá nhân phải ghi rõ họ và tên, ngày tháng năm sinh, nơi thường trú;

- Nếu là tổ chức phải ghi rõ:

+ Tên và địa chỉ giao dịch

+ Ngày, tháng, năm thành lập, số Giấy phép/quyết định thành lập;

+ Họ tên, chức vụ của người đại diện cho tổ chức đó.

được thành lập [tên đầy đủ, tên viết tắt và tên giao dịch bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài (nếu có)]; địa chỉ giao dịch của tổ chức được thành lập để triển khai bảo hiểm vi mô theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm, các văn bản

hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm, các quy định khác của pháp luật và các quy định tại Giấy phép này.

Điều 2. Vốn

Vốn thành lập của [tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được thành lập] là:.... (nêu bằng số và bằng chữ), trong đó:

1. Vốn góp của cá nhân là thành viên sáng lập:

Tên thành viên sáng lập	Số vốn góp tính bằng tiền	Tỷ lệ %
.....	.....	.....

2. Hỗ trợ của tổ chức đại diện thành viên:

Tên tổ chức đại diện thành viên	Số tiền hỗ trợ	Tỷ lệ %
.....	.....	.....

3. Tài trợ từ các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế, các chương trình, dự án

Nguồn tài trợ	Số tiền tài trợ	Tỷ lệ %
.....	.....	.....

4. Các nguồn hợp pháp khác theo quy định pháp luật

Nguồn khác	Số tiền	Tỷ lệ %
.....	.....	.....

Điều 3. Nội dung, phạm vi hoạt động

[Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được thành lập] được phép tiến hành các hoạt động sau:

1. Nội dung hoạt động:

2. Phạm vi hoạt động: [trên phạm vi cả nước hay trong những khu vực địa lý nhất định]

Điều 4. Thời hạn hoạt động

[Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được thành lập] được phép hoạt động trong thời hạn [ ] năm.

Điều 5. Điều kiện hoạt động

Trong quá trình hoạt động, [Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được thành lập] phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định tại Giấy

phép thành lập và hoạt động, Điều lệ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

Điều 6. Hiệu lực của Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 7. Cấp Giấy phép

Giấy phép thành lập và hoạt động này được lập thành 06 bản chính: 01 bản cấp cho [Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô được thành lập]; 04 bản lưu tại Bộ Tài chính; 01 bản gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đặt trụ sở chính.

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng.... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô];

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho [Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...] được cấp lại Giấy phép thành lập và hoạt động số:.....

Lý do cấp lại:.....

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên và đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:
- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

Mẫu số 04

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...., ngày.... tháng.... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAY ĐỔI TÊN/THAY ĐỔI ĐỊA ĐIỂM ĐẶT TRỤ SỞ CHÍNH/ THAY ĐỔI NỘI DUNG, PHẠM VI VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TƯƠNG HỖ CUNG CẤP BẢO HIỂM VI MÔ

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô];

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho [Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...] được thay đổi các nội dung dưới đây [chỉ ghi các nội dung thay đổi]:

1. Đổi tên như sau:

a) Tên cũ:

- Tên đầy đủ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:

- Tên giao dịch:

- Tên viết tắt:

- Tên bằng tiếng nước ngoài:

b) Tên mới:

- Tên đầy đủ của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:

- Tên giao dịch:

- Tên viết tắt:

- Tên bằng tiếng nước ngoài:

c) Lý do thay đổi:.....

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

2. Thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính như sau:

- Địa điểm cũ:

- Địa điểm mới:

- Lý do thay đổi:

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

3. Thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

- Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động và các Giấy phép Điều chỉnh (nếu có):

- Nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động dự kiến thay đổi:

- Lý do thay đổi:

- Cách thức giải quyết các cam kết, trách nhiệm với thành viên tham gia bảo hiểm vi mô, người lao động, Nhà nước và các đối tượng khác có liên quan (đối với trường hợp thu hẹp nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động)

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của Đơn này và hồ sơ kèm theo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên, đóng dấu)

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

Mẫu số 05

BỘ TÀI CHÍNH

GIẤY PHÉP ĐIỀU CHỈNH

Số:...../GPĐC.../KDBH

Ngày:

Cấp tại: Hà Nội

Nơi cấp: Bộ Tài chính

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../GPĐC...../KDBH	*Hà Nội, ngày tháng năm*

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022;

Căn cứ Nghị định số.../.../NĐ-CP ngày... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số..../.../NĐ-CP ngày... của Chính phủ quy định về bảo hiểm vi mô;

Căn cứ Giấy phép thành lập và hoạt động số [ ], ngày [ ] tháng [ ] năm [ ] của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của [tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] tại văn bản số [ ] ngày [ ] và hồ sơ kèm theo, nộp ngày [ ];

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép [tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] được sửa đổi/bổ sung/điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động số [ ], ngày [ ] tháng [ ] năm [ ] của Bộ trưởng Bộ Tài chính với nội dung như sau:

.....

Điều 2. Giấy phép điều chỉnh này là bộ phận không tách rời của Giấy phép thành lập và hoạt động số [ ], ngày [ ] tháng [ ] năm [ ] của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Giấy phép này đồng thời có giá trị là Giấy chứng nhận sửa đổi/bổ sung/điều chỉnh những nội dung quy định tại Điều 1 nêu trên.

Các nội dung quy định tại Điều lệ của [tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô] sẽ được sửa đổi phù hợp với các quy định của Giấy phép điều chỉnh này.

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Giấy phép điều chỉnh này được lập thành 06 bản chính: 01 bản cấp cho [tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô]; 04 bản lưu tại Bộ Tài chính; 01 bản gửi cho Ủy ban nhân dân tỉnh nơi tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô đặt trụ sở chính.

BỘ TRƯỞNG

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ/SỬA ĐỔI/BỔ SUNG CƠ SỞ, PHƯƠNG PHÁP TÍNH PHÍ BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM VI MÔ

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 ngày 16/6/2022 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

[Tên đầy đủ và chính thức của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô];

Đề nghị Bộ Tài chính chấp thuận cho [Tên của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô; Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... do Bộ Tài chính cấp ngày.... tháng.... năm...] được đăng ký/sửa đổi/bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô như sau:

1. Tên sản phẩm bảo hiểm vi mô đề nghị đăng ký/sửa đổi/bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm

2. Nội dung chính của sản phẩm bảo hiểm vi mô đề nghị đăng ký (đối với đăng ký lần đầu), bao gồm:

- Thành viên tham gia bảo hiểm vi mô (tuổi/điều kiện tham gia sản phẩm)

- Thời hạn bảo hiểm, thời hạn đóng phí bảo hiểm

- Quyền lợi bảo hiểm

3. Cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô bao gồm:

- Phương pháp, công thức tính phí bảo hiểm

- Các giả định sử dụng trong tính phí bảo hiểm

- Phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng bảo hiểm

4. Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô (đối với trường hợp sửa đổi/bổ sung):

- Nội dung trước khi đề nghị sửa đổi/bổ sung;

- Nội dung đề nghị sửa đổi/bổ sung;

- Giải trình lý do sửa đổi/bổ sung kèm theo các giải trình kỹ thuật liên quan.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, phù hợp của hồ sơ đề nghị đăng ký/sửa đổi/bổ sung cơ sở, phương pháp tính phí bảo hiểm của sản phẩm bảo hiểm vi mô với quy định pháp luật hiện hành.

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN BẢO HIỂM VI MÔ	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*

Hồ sơ kèm theo:

- Liệt kê rõ tài liệu kèm theo

Mẫu số 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUÝ, NĂM

- **Tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:**
- Báo cáo Quý/Năm:

STT	Sản phẩm bảo hiểm vi mô	Hợp đồng khai thác mới									Số lượng hợp đồng có hiệu lực		Số thành viên tham gia của hợp đồng có hiệu lực		Tổng doanh thu phí bảo hiểm		Số lượng hợp đồng hủy bỏ năm đầu lũy kế từ đầu năm
		Số lượng hợp đồng			Số thành viên tham gia bảo hiểm vi mô			Phí bảo hiểm									
		Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước	Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước	Cuối kỳ	Cùng kỳ năm trước	Cuối kỳ	Cùng kỳ năm trước	Lũy kế từ đầu năm	Cùng kỳ năm trước	
	Chi tiết theo từng sản phẩm bảo hiểm																
	Tổng cộng																

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Địa điểm, ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI ĐIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

- Tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

- Báo cáo Quý/Năm:

Đơn vị: Triệu đồng

Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
I. Đầu tư vốn thành lập							
1. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại							
- Các khoản tiền gửi dưới 03 tháng							
- Các khoản tiền gửi trên 03 tháng và dưới 01 năm							
- Các khoản tiền gửi > 01 năm							
2. Trái phiếu Chính phủ							
II. Đầu tư quỹ dự trữ bắt buộc							
1. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại							
- Các khoản tiền gửi dưới 03 tháng							
- Các khoản tiền gửi trên 03 tháng và dưới 01 năm							
- Các khoản tiền gửi > 01 năm							
2. Trái phiếu Chính phủ							
III. Đầu tư vốn nhàn rỗi từ dự phòng nghiệp vụ							
1. Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại							

Danh mục đầu tư	Giá trị tài sản đầu kỳ	Lãi suất bình quân (coupon)	Lợi nhuận đầu tư phát sinh trong kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư phát sinh trong kỳ	Thay đổi đầu tư khác phát sinh trong kỳ	Giá trị tài sản cuối kỳ	Dự phòng giảm giá đầu tư lũy kế cuối kỳ
- Các khoản tiền gửi dưới 03 tháng							
- Các khoản tiền gửi trên 03 tháng và dưới 01 năm							
- Các khoản tiền gửi > 01 năm							
2. Trái phiếu Chính phủ							

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Địa điểm, ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 09

BÁO CÁO TÌNH TRẠNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM VI MÔ

- Tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:

- Báo cáo Quý/Năm:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số lượng hợp đồng	Số tiền bảo hiểm	Hoàn trả phí bảo hiểm	Chi trả số tiền bảo hiểm
I	**Hợp đồng bảo hiểm hủy bỏ trong thời gian cân nhắc**				
	Chi tiết theo từng sản phẩm				
II	**Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt do xảy ra sự kiện bảo hiểm**				
	Chi tiết theo từng sản phẩm				
III	**Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt do hủy bỏ trong kỳ**				
	Chi tiết theo từng sản phẩm				
IV	**Hợp đồng bảo hiểm đáo hạn**				
	Chi tiết theo từng sản phẩm				
V	**Tình trạng khác**				
	Chi tiết theo từng sản phẩm				

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Địa điểm, ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 10

BÁO CÁO TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM

- Tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:

- Báo cáo Quý/Năm:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Dự phòng đã trích lập đầu kỳ	Dự phòng phải trích lập cuối kỳ	Dự phòng phải trích trong kỳ
I. Dự phòng phí chưa được hưởng			
Chi tiết theo từng sản phẩm			
II. Dự phòng bồi thường			
1. Dự phòng bồi thường cho các yêu cầu trả tiền bảo hiểm, đòi bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa được giải quyết			
Chi tiết theo từng sản phẩm			
2. Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu trả tiền bảo hiểm, đòi bồi thường			
Chi tiết theo từng sản phẩm			
III. Dự phòng bảo đảm cân đối			

Chúng tôi xin đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

Địa điểm, ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU	**CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN BẢO HIỂM VI MÔ**	**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**
(Ký và ghi rõ họ tên)	*(Ký và ghi rõ họ tên)*	*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu số 11

BÁO CÁO CỦA CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN BẢO HIỂM VI MÔ

- Tên tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô:

- Thời kỳ báo cáo: Từ 01/01/năm... đến 31/12/năm...

I. BÁO CÁO VỀ SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Đánh giá chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai của từng sản phẩm

Tên sản phẩm	Giả định tính phí (chi tiết)	Thực tế triển khai (chi tiết)	Chênh lệch giữa các giả định tính phí so với thực tế triển khai từng sản phẩm (chi tiết)	Nhận xét, đánh giá của chuyên gia tính toán bảo hiểm vi mô	Phương án xử lý (*)
- Sản phẩm A....					
- Sản phẩm B....					

(*) Đối với trường hợp phí bảo hiểm không bảo đảm an toàn tài chính của tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô.

II. BÁO CÁO VỀ VIỆC TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ BẢO HIỂM THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Báo cáo chi tiết phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm và kết quả trích lập, đảm bảo phản ánh chính xác, đầy đủ trách nhiệm tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô theo quy định pháp luật.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TRẢ TIỀN BẢO HIỂM, BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

Báo cáo, đánh giá chi tiết tình hình trả tiền bảo hiểm, bồi thường bảo hiểm theo từng sản phẩm bảo hiểm và kiến nghị, đề xuất.

IV. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM C VÀ ĐIỂM D, ĐIỂM Đ KHOẢN 3 ĐIỀU 25 NGHỊ ĐỊNH NÀY.

V. BÁO CÁO VIỆC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÁC ĐỂ ĐẢM BẢO AN TOÀN TÀI CHÍNH CHO TỔ CHỨC TƯƠNG HỖ CUNG CẤP BẢO HIỂM VI MÔ.

Tôi xin chịu trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định pháp luật và đảm bảo những thông tin trên là đúng sự thực.

... , ngày... tháng... năm...

CHUYÊN GIA TÍNH TOÁN BẢO HIỂM VI MÔ

(Ký và ghi rõ tên)